TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày: 27/5/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Tân
Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 26, 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2020/HS- ST ngày 03 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn T (T mặt quỷ), sinh năm 1997 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn P 1, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Ngô Văn C, sinh năm 1965 và bà Chế Thị Thanh H, sinh năm 1969; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/12/2011, Ủy ban nhân dân huyện D ra Quyết định số 3136, đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản, chấp hành xong vào ngày 17/10/2013. Ngày 30/10/2014, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 87, chấp hành xong ngày 08/02/2015. Ngày 11/02/2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 10. Ngày 20/3/2015, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong ngày 29/4/2016; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tú M, sinh năm 1997 tại Khánh Hòa; nơi cư trú:Thôn T 2, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Đình Duy, sinh năm1997 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình Q, sinh năm1974 và bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự:

Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946

Địa chỉ: Thôn T1, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T2, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

3. Ông Huỳnh Xuân S, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Ông Ngô Văn C, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn P1, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

3. Chị Ngô Thanh T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn T1, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

4. Anh Trần Khánh P, sinh ngày 20/02/2004

Đại diện hợp pháp của anh Phú là bà Đặng Thị Minh T, sinh năm 1969 (mẹ ruột của anh P).

Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

5. Ông Trần Thanh C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Châu T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố P2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

9. Ông Ngô Văn Thành, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn P 1, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/11/2019, Tổ công tác Công an huyện D tuần tra trên đường H39 (thuộc xã P, huyện D) phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Tú M đang bán một đoạn ống nhựa bên trong chứa tinh thể đá màu trắng cho Huỳnh Xuân S với giá 300.000 đồng. M khai tinh thể đá đựng trong ống nhựa là ma túy đá, do Ngô Văn T đưa cho M đi bán cho S. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D tiến hành khám xét nơi ở của Ngô Văn T tại thôn P 1, xã P, huyện D phát hiện và thu giữ 01 bịch ni long hàn kín, bên trong chứa tinh thể đá màu trắng.

Tại Bản kết luận giám định số 646 ngày 14/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Các chất tinh thể đá Cơ quan Cảnh sát điều

tra - Công an huyện D thu giữ được vào ngày 08/11/2019 là chất Methaphetamine, có tổng khối lượng 2,3152g.

Qua điều tra, xác định Ngô Văn T là đối tượng không có nghề nghiệp, trong năm 2019, T nhiều lần xuống thành phố N, tìm mua ma túy đá của một người phụ nữ (không xác định rõ nhân thân, lý lịch), sau đó đem về phân nhỏ rồi cùng với Phạm Đình D, Nguyễn Tú M bán lại cho nhiều người để kiếm lời. Cụ thể: Từ tháng 05/2019 đến tháng 7/2019, Ngô Văn T đưa ma túy đá cho Phạm Đình D bán cho Trần Khánh P 03 lần, bán cho Nguyễn Thị Ch T 02 lần, bán cho Trần Thanh C 01 lần. Trong tháng 11/2019, Ngô Văn T đưa ma túy đá cho Nguyễn Tú M bán cho Huỳnh Xuân S 04 lần. Mỗi lần bán, T thu lợi từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng. Ngoài ra, Ngô Văn T còn bán ma túy đá cho các đối tượng tên S, K và nhiều người khác nhưng không xác định được nhân thân, lý lịch. Phạm Đình D, Nguyễn Tú M giúp T bán ma túy, được T cho sử dụng ma túy không mất tiền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D, Ngô Văn T, Phạm Đình D và Nguyễn Tú M đã khai nhận hành vi phạm tội.

Đối với Huỳnh Xuân S, Trần Khánh P, Nguyễn Thị Châu T và Trần Thanh C đã bị Công an huyện D xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKDK ngày 03/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Tú M và Phạm Đình D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện cho Viện kiện sát nhân dân huyện D giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên điều luật, tội danh áp dụng cho các bị cáo T, M và D và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T, M và D; riêng bị cáo M và D áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo T từ 08 năm tù đến 10 năm tù, bị cáo M và D từ 07 năm tù đến 08 năm tù; về vật chứng vụ án: Tịch thu, tiêu hủy chất ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng 1,9116g, ký hiệu B; 01 cây nỏ để sử dụng ma túy, 01 kéo cắt, 01 kéo kẹp, 01 cân tiểu ly điện tử, 01 dao lam, 07 bị nhựa cắt sẵn, 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 bình ga mini, 01 bộ khò màu xanh. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màn hình bị vỡ, vỏ bên ngoài màu trắng bạc đã qua sử dụng của Nguyễn Tú M, số tiền 300.000 đồng của Huỳnh Xuân S. Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Dream màu nâu, số khung CG0042CK001084, số máy FMG02170415, biển kiểm soát 79K9 - 9451 cho bà Nguyễn Thị N; về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo T, M và D đã thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện D và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Xuân S, người làm chứng Nguyễn Văn H, Ngô Thanh T, Trần Khánh P (đại diện Đặng Thị Minh T), Trần Thanh C, Nguyễn Thị Châu T, Ngô Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, xét việc vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên toà, các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Tú M và Phạm Đình D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã nêu. Lời khai trên của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Ngày 08/11/2019, Công an huyện D phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Tú M đang bán ma túy cho Huỳnh Xuân S. M khai số ma túy trên do Ngô Văn T đưa cho M đi bán cho S. Tổng khối lượng ma túy mà Công an huyện D thu giữ được vào ngày 08/11/2019 là 2,3152g là (loại) chất Methaphetamine gồm thu giữ qua việc M bán ma túy cho S là 0,0500g, thu giữ qua khám xét tại nơi ở của T là 2,2652g. Tiến hành điều tra, xác định được trong năm 2019, Ngô Văn T nhiều lần xuống thành phố Nha Trang, tìm mua ma tuý đá của một người phụ nữ (không xác định rõ nhân thân, lai lịch), đem về phân nhỏ rồi cùng với Phạm Đình D, Nguyễn Tú M nhiều lần bán ma túy cho những người nghiện là Huỳnh Xuân S, Trần Khánh P, Nguyễn Thị Châu T và Trần Thanh C. Ngoài ra,T còn bán ma túy đá cho các đối tượng tên S, K và nhiều người khác nhưng không xác định được nhân thân, lý lịch. Hành vi trên của các bị cáo đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Vì vậy, bản Cáo trạng số 17 ngày 03/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, truy tố các bị cáo T, M và D về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng tội.

[4]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo T, M, D là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết rõ ma túy là loại dược phẩm do Nhà nước độc quyền quản lý. Mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển hay mua bán ma túy mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đều bị nghiêm cấm và xử lý theo quy định của pháp luật. Trong năm 2019, các bị cáo đã liên tiếp nhiều lần thực hiện hành vi bán trái phép ma túy cho những người nghiện ma túy nhằm để thu lợi bất chính. Do đó, cần xử phạt các bị cáo tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội mà các bị cáo đã gây ra

để các bị cáo nhận thấy được hành vi sai trái của bản thân và ngăn ngừa các hành vi tương tự.

Về hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án:

- Bị cáo T là người đóng vai chính, chủ chốt, chính bị cáo tự bỏ tiền của mình, nhiều lần mua ma túy, mang về tự phân nhỏ ra, sau đó bị cáo trực tiếp đem đi bán hoặc giao lại cho M, D nhiều lần đi bán cho những người nghiện ma túy với mục đích nhằm để kiếm lời. Bản thân bị cáo có nhân thân từng bị xử phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản", bị đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, lo làm ăn lương thiện mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều này, thể hiện bị cáo rất xem thường kỷ cương chính sách pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, đối với bị cáo nên cần xử phạt thật nghiêm khắc hơn so với bị cáo M và D, cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe bị cáo.

- Bị cáo M, D tham gia với vai trò đồng phạm người giúp sức cho T với mục đích để T cho ma túy sử dụng, các bị cáo nhận số ma túy từ T đem đi giao, bán cho nhiều người nghiện ma túy tại địa bàn huyện D rất nhiều lần trong năm 2019. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm, cách ly các bị cáo M, D ra ngoài xã hội một thời gian, để các bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật, mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt: Xét tại phiên tòa, các bị cáo T, M và D đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên cần xem xét tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo; bị cáo M, D chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; từng tham gia nghĩa vụ quân sự nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo T, M, D không có nguồn thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[5]. Về xử lý vật chứng vụ án: Chất ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng 1,9116g, ký hiệu B; 01 kéo cắt, 01 kéo kẹp, 01 cân tiểu ly điện tử, 01 dao lam, 07 bị nhựa cắt sẵn, 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 bình ga mini, 01 bộ khò màu xanh thu giữ tại nơi ở Ngô Văn T, 01 cây nỏ để sử dụng ma túy (tạm giữ của Nguyễn Tú M), xét giá trị sử dụng không có nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm c khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

01điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màn hình bị vỡ, vỏ bên ngoài màu trắng bạc đã qua sử dụng của Nguyễn Tú M, xét điện thoại trên có liên quan đến hành vi phạm tội của Ngô Văn T và Nguyễn Tú M nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước nước theo quy định pháp luật;

Số tiền 300.000 đồng là tiền mua ma túy của Huỳnh Xuân S, đang tạm gửi tại Kho bạc huyện D, xét số tiền trên liên quan đến hành vi trái pháp luật nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định điểm b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Liên quan đến 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Dream màu nâu, có số khung CG0042CK001084, số máy FMG02170415, biển kiểm soát 79K9-9451, xe đã qua sử dụng do bà Nguyễn Thị T đứng tên sở hữu, bà T đã bán lại cho bà Nguyễn Thị N (có giấy mua bán xe), việc Nguyễn Tú M sử dụng xe môtô trên đi bán ma túy, bà N không biết nên cần trả lại cho bà N theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo T, M và D mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Tú M và Phạm Đình D; riêng bị cáo M và D căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;
- Căn cứ vào điểm b, điểm c khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

- Bị cáo Ngô Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2019.
- Bị cáo Nguyễn Tú M 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2019.
- Bị cáo Phạm Đình D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2019.

2. Về xử lý vật chứng vụ án:

- Tịch thu, tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng 1,9116g, ký hiệu B; 01 (một) kéo cắt, 01 (một) kéo kẹp, 01 (một) cân tiểu ly điện tử, 01(một) dao lam, 07 (bảy) bị nhựa cắt sẵn, 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 (một) bình ga mini, 01 (một) bộ khò màu xanh, 01 (một) cây nỏ để sử dụng ma túy.
- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màn hình bị vỡ, vỏ bên ngoài màu trắng bạc đã qua sử dụng của Nguyễn Tú M; số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) của Huỳnh Xuân S.
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Dream màu nâu, có số khung CG0042CK001084, số máy FMG02170415, biển kiểm soát 79K9 - 9451, xe đã qua sử dụng.

(Đặc điểm của các vật chứng và số tiền trên theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2020 và ngày 25/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; Giấy nộp tiền

vào ngân sách nhà nước tại kho bạc nhà nước huyện D, tỉnh Khánh Hòa ngày 04/5/2020, mã CQ thu: 9042404, mã ĐBHC: 00000).

3. Về án phí: Các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Tú M và Phạm Đình D mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Công an huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.